

Ôn tập toán học

Làm tròn đến hàng trăm:

$289 \approx \underline{\hspace{2cm}}$

$1,623 \approx \underline{\hspace{2cm}}$

$512 \approx \underline{\hspace{2cm}}$

$3,961 \approx \underline{\hspace{2cm}}$

$7,941 \approx \underline{\hspace{2cm}}$

$675 \approx \underline{\hspace{2cm}}$

Làm tròn đến hàng nghìn:

$4,152 \approx \underline{\hspace{2cm}}$

$9,782 \approx \underline{\hspace{2cm}}$

$1,972 \approx \underline{\hspace{2cm}}$

$8,595 \approx \underline{\hspace{2cm}}$

$6,387 \approx \underline{\hspace{2cm}}$

$5,879 \approx \underline{\hspace{2cm}}$

Khoanh tròn vào số lẻ.

157

892

356

499

671

533

211

695

112

359

231

789

546

462

Viết các dấu ($+$ $-$ $\times$ $:$) thích hợp vào ô trống.

$15 \square 3 = 5$

$7 \square 3 = 10$

$64 \square 8 = 8$

$22 \square 10 = 12$

$54 \square 6 = 9$

$6 \square 11 = 66$

$13 \square 12 = 25$

$10 \square 3 = 30$

Viết dấu $<$ hoặc $>$ vào ô trống.

$5,432 \square 5,423$

$\frac{1}{3} \square \frac{2}{3}$

$567 \square 569$

$948 \square 984$

$9,521 \square 8,991$

$312 \square 491$

$2,319 \square 2,139$

$\frac{1}{4} \square \frac{1}{2}$